**Mô hình quan hệ**

Ảnh có chứa văn bản, biểu đồ, ảnh chụp màn hình, Song song

Mô tả được tạo tự động

1. thanhtoan (Thanh toán)

* ID\_thanhtoan (INT): Mã định danh duy nhất cho giao dịch thanh toán.
* MaHoadon (INT): Mã hóa đơn, liên kết với bảng "hoadon".
* Phuongthucthanhtoan (VARCHAR(50)): Phương thức thanh toán (chẳng hạn như tiền mặt, thẻ, ví điện tử).
* Trangthaithanhtoan (VARCHAR(50)): Trạng thái thanh toán (đã thanh toán, chưa thanh toán).

2. hoadon (Hóa đơn)

* MaHoadon (INT): Mã định danh duy nhất cho hóa đơn.
* ID\_chitiet (INT): Mã chi tiết hóa đơn, liên kết với bảng "chitietds".
* Masan (INT): Mã sân, liên kết với bảng "san".
* MaKH (INT): Mã khách hàng, liên kết với bảng "khachhang".
* Thanhtien (VARCHAR(50)): Tổng số tiền của hóa đơn.
* Giamgia (FLOAT): Giá của sân.
* Trangthaithanhtoan (VARCHAR(50)): Trạng thái thanh toán của hóa đơn.

3. chitietlds (Chi tiết lịch đặt sân)

* ID\_gia (INT): Mã định danh của bảng chi tiết đặt sân.
* Madatsan(INT): Mã đặt sân.
* Masan (INT): Mã sân, liên kết với bảng "san".
* MaKH (INT): Mã khách hàng, liên kết với bảng "khachhang".
* ngaydat (DATE): Ngày đặt sân.
* giobatdau (TIME): Giờ bắt đầu đặt sân.
* gioketthuc (TIME): Giờ kết thúc đặt sân.
* trangthaithanhtoan (VARCHAR(50)): Trạng thái thanh toán của chi tiết đặt sân.

4. san (Sân)

* Masan (INT): Mã định danh duy nhất của sân.
* giatien (VARCHAR(50)): Giá thuê sân.
* tinhtrang (VARCHAR(50)): Tình trạng sân (còn trống, đã đặt).
* MaCS (INT): Mã của cơ sở quản lý sân, liên kết với bảng "chusan".

5. chusan (Chủ sân)

* MaCS (INT): Mã định danh duy nhất của chủ sân.
* Hoten (VARCHAR(100)): Họ và tên chủ sân.
* SDT (VARCHAR(15)): Số điện thoại của chủ sân.
* MaTK (INT): Mã tài khoản, liên kết với bảng "taikhoan".

6. lichdatsan (Lịch đặt sân)

* Madatsan (INT): Mã định danh cho lịch đặt sân.
* Masan (INT): Mã sân, liên kết với bảng "san".
* MaKH (INT): Mã khách hàng, liên kết với bảng "khachhang".

7. khachhang (Khách hàng)

* MaKH (INT): Mã định danh duy nhất của khách hàng.
* Name (VARCHAR(100)): Tên khách hàng.
* SDT (VARCHAR(15)): Số điện thoại của khách hàng.
* MaTK (INT): Mã tài khoản, liên kết với bảng "taikhoan".

8. taikhoan (Tài khoản)

* MaTK (INT): Mã định danh duy nhất cho tài khoản người dùng.
* Vaitrotaikhoan (VARCHAR(50)): Vai trò của tài khoản (chủ sân, khách hàng, quản trị viên).
* email (VARCHAR(100)): Địa chỉ email của người dùng.
* matkhau (VARCHAR(50)): Mật khẩu để đăng nhập vào hệ thống.